

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Định Tình.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phụng

2. Ông Đỗ Tiến Vụ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa:
Ông Y Rin Niê Kđăm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G – sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Th – sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân Th tự nguyện đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1980, tại quê hương xã An Hiếu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian và có với nhau 05 người con. Nhưng mấy năm nay thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Thành thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà nhiều lần. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng với ông Thành là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể duy trì. Bà G đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Thành.

Về con chung: Có 05 con chung là Nguyễn Phi L – sinh năm 1981, Nguyễn Phi L1 – sinh năm 1984, Nguyễn Phi L2 – sinh năm 1985, Nguyễn Thị L – sinh năm 1987 và Nguyễn Phi L3 – sinh năm 1993.

Hiện nay các con đã thành niên và có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Xuân Th tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung không có nên bà Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2023 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Xuân Th trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và chung sống đến nay có 05 người con chung tên là Nguyễn Phi L – sinh năm 1981, Nguyễn Phi L1 – sinh năm 1984, Nguyễn Phi L2 – sinh năm 1985, Nguyễn Thị L – sinh năm 1987 và Nguyễn Phi L3 – sinh năm 1993. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, tuy nhiên bản thân ông không muốn ly hôn. Trường hợp bà G kiên quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu bà Nguyễn Thị G kiên quyết ly hôn thì con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đã trưởng thành. Đối với tài sản chung ông và bà G tự thỏa thuận phân chia. Trường hợp không thỏa thuận được sau khi ly hôn ông sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Tại phần tranh luận nguyên đơn bà Nguyễn Thị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân Th. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Xuân Th.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung không có, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị G là người cao tuổi, có làm đơn xin miễn giảm án phí nên không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Tòa án nhận thấy bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Xuân Th chung sống với nhau trên tinh thần tình yêu tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và hai bên thừa nhận có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hiếu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định từ năm 1980, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, hôn nhân không mang lại hạnh phúc.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Xuân Th sinh sống tại Thôn 7, xã E, huyện B, thì được biết bà G và ông Th cũng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã bất hòa. Quá trình giải quyết tại Tòa án bà Nguyễn Thị G kiên quyết ly hôn với ông Nguyễn Xuân Th điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông Thành đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, xử cho bà G được ly hôn với ông Nguyễn Xuân Th là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Có 05 con chung là Nguyễn Phi L – sinh năm 1981, Nguyễn Phi L1 – sinh năm 1984, Nguyễn Phi L2 – sinh năm 1985, Nguyễn Thị L – sinh năm 1987 và Nguyễn Phi L3 – sinh năm 1993, hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung không có, nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị G là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị G là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Xuân Th.

2. *Về con chung:* Có 05 con chung là Nguyễn Phi L – sinh năm 1981, Nguyễn Phi L1 – sinh năm 1984, Nguyễn Phi L2 – sinh năm 1985, Nguyễn Thị L – sinh năm 1987 và Nguyễn Phi L3 – sinh năm 1993, hiện các con đã trưởng thành và không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không có yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung không có, nên không đề cập giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị G được miễn nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G, bị đơn ông Nguyễn Xuân Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Ea Wer;
- UBND xã An Hiếu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Định Tình